

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN XÂY DỰNG  
VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2020**



**MỤC LỤC**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 24

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm 2020 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Lê Quốc Tuấn	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Trương Hữu Chí	Thành viên
Ông Vũ Trọng Hiến	Thành viên
Ông Tạ Đình Lân	Thành viên
Ông Nguyễn Đức Minh	Thành viên

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Trương Minh Khôi	Q.Tổng Giám đốc
Ông Tạ Đình Lân	Phó Tổng Giám đốc

#### **Ban Kiểm soát**

Bà Nguyễn Thị Cẩm Tú	Trưởng ban kiểm soát
Bà Đinh Thị Huyền Trang	Thành viên
Ông Bùi Toàn Thắng	Thành viên

Kế toán trưởng của Công ty trong năm tài chính 2020 và đến ngày lập Báo cáo này là Bà Dương Thị Hà Bích.

### **SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Ban Giám đốc khẳng định rằng, không có bất cứ sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính kèm theo.

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020, phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

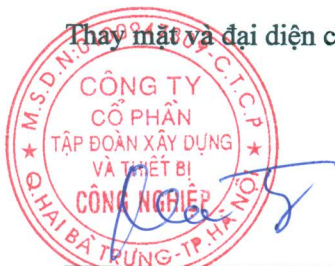
Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

**Cam kết khác**

Ban Giám đốc cam kết rằng, Công ty đã tuân thủ việc công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính (trong năm 2020) và Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính (từ 01/01/2021) hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



**Trương Minh Khôi**

**Q. Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2021

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 31/03/2021 từ trang 6 đến trang 24 kèm theo, bao gồm: Bảng cân đối kế toán Tại ngày 31/12/2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến

Công ty chưa đánh giá một cách thận trọng khả năng thu hồi các khoản công nợ phải thu đã quá hạn thanh toán nhưng chưa được trích lập dự phòng tại thời điểm 31/12/2020 với giá trị 5,754 tỷ đồng. Chúng tôi không thể thu thập được các bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến khả năng thu hồi của các khoản phải thu quá hạn trên. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải trích lập bổ sung dự phòng phải thu khó đòi hay điều chỉnh các khoản mục có liên quan hay không.

Tại thời điểm 31/12/2020, chúng tôi chưa nhận được đầy đủ thư xác nhận của các khoản công nợ Phải thu khách hàng (mã số 131) trên Bảng cân đối kế toán số tiền 10.879.748.835 đồng. Với những tài liệu hiện có, chúng tôi không thực hiện được các thủ tục thay thế để có thể thu thập được các bằng chứng thích hợp để đưa ra ý kiến về tính đầy đủ và giá trị các khoản công nợ phải thu khách hàng chưa được đối chiếu này.

Tại thời điểm 31/12/2020, Công ty chưa xem xét trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính các khoản đầu tư vào Công ty con và Công ty liên kết với giá trị ước tính là 2,536 tỷ đồng.

Liên quan đến các khoản đầu tư dài hạn khác số tiền là: 10.949.873.500 đồng, chúng tôi chưa thu thập được đầy đủ các Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của các Công ty nhận đầu tư nên chưa có cơ sở để đưa ý kiến về giá trị thuần của các khoản đầu tư cũng như việc trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (nếu có) của Công ty.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

### Từ chối đưa ra ý kiến

Do tầm quan trọng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.



\_\_\_\_\_  
**Phạm Gia Đạt**

**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán

số: 0798-2018-112-1

*Thay mặt và đại diện cho*

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY**

*Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2021*

\_\_\_\_\_  
**Nguyễn Văn Hải**

**Kiểm toán viên**

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán

số: 1395-2018-112-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31/12/2020

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>23.314.984.586</b>	<b>28.125.154.673</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	2.206.077.522	447.917.713
Tiền	111		1.206.077.522	447.917.713
Các khoản tương đương tiền	112		1.000.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		20.010.826.327	26.574.196.359
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	13.541.857.835	18.334.592.498
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		3.097.589.040	2.817.525.000
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	7	2.367.334.516	2.367.334.516
Các khoản phải thu khác	136	7	2.794.834.936	4.845.534.345
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(1.790.790.000)	(1.790.790.000)
Hàng tồn kho	140	8	1.027.256.656	1.027.256.656
Hàng tồn kho	141		1.027.256.656	1.027.256.656
Tài sản ngắn hạn khác	150		70.824.081	75.783.945
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	1.720.000	11.639.998
Thuế GTGT được khấu trừ	152		4.960.134	-
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	13	64.143.947	64.143.947
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>108.762.040.844</b>	<b>263.358.500.043</b>
Các khoản phải thu dài hạn	210		59.130.223.113	7.813.689.626
Phải thu dài hạn khác	216	7	59.130.223.113	7.813.689.626
Tài sản cố định	220		-	-
Tài sản cố định hữu hình	221	10	-	-
- Nguyên giá	222		798.922.929	798.922.929
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(798.922.929)	(798.922.929)
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		700.000.000	700.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(700.000.000)	(700.000.000)
Tài sản dở dang dài hạn	240		-	205.620.224.909
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	205.620.224.909
Đầu tư tài chính dài hạn	250	11	38.657.341.500	38.657.341.500
Đầu tư vào công ty con	251		21.430.000.000	24.207.468.000
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		6.277.468.000	3.500.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		10.949.873.500	10.949.873.500
Tài sản dài hạn khác	260		10.974.476.231	11.267.244.008
Chi phí trả trước dài hạn	261	9	10.974.476.231	11.267.244.008
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>132.077.025.430</b>	<b>291.483.654.716</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**  
 Tại ngày 31/12/2020

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>80.000.879.155</b>	<b>238.543.097.357</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>11.043.407.049</b>	<b>18.200.479.273</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	9.928.507.346	14.341.321.381
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		900.000.000	1.556.650.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	210.532.585	401.980.774
Phải trả ngắn hạn khác	319	14	3.840.000	1.900.000.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		527.118	527.118
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>68.957.472.106</b>	<b>220.342.618.084</b>
Phải trả dài hạn khác	337	14	68.957.472.106	220.342.618.084
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>52.076.146.275</b>	<b>52.940.557.359</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>15</b>	<b>52.076.146.275</b>	<b>52.940.557.359</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411		38.000.000.000	38.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		38.000.000.000	38.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		10.793.442.327	10.793.442.327
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.282.703.948	4.147.115.032
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		1.852.315.032	2.192.876.636
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		1.430.388.916	1.954.238.396
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>132.077.025.430</b>	<b>291.483.654.716</b>

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2021

Người lập biểu



Bùi Thị Oanh

Kế toán trưởng



Dương Thị Hà Bích

Q. Tổng Giám đốc



Trương Minh Khôi



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020*

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	16	1.957.452.282	2.097.011.969
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.957.452.282	2.097.011.969
Giá vốn hàng bán	11	17	1.139.040.572	1.978.344.942
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		818.411.710	118.667.027
Doanh thu hoạt động tài chính	21	18	1.720.262.632	2.474.525.470
Chi phí tài chính	22	19	-	2.954.630
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	2.954.630
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	20	1.108.285.426	2.042.742.604
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.430.388.916	547.495.263
Thu nhập khác	31		-	1.592.727.273
Chi phí khác	32		-	151.978.858
Lợi nhuận khác	40		-	1.440.748.415
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.430.388.916	1.988.243.678
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	34.005.282
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.430.388.916	1.954.238.396

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2021

Người lập biểu

Bùi Thị Oanh

Kế toán trưởng

Dương Thị Hà Bích

Q. Tổng Giám đốc



Trương Minh Khôi

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
**(Theo phương pháp trực tiếp)**  
*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020*

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		6.227.453.174	2.166.969.807
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02		(5.700.928.049)	(2.011.345.044)
Tiền chi trả cho người lao động	03		(592.710.000)	(1.082.345.000)
Tiền lãi vay đã trả	04		-	(2.954.630)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		-	(38.933.282)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		6.043.132.305	1.104.892.804
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(4.478.543.053)	(2.048.668.011)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>1.498.404.377</b>	<b>(1.912.383.356)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	1.592.727.273
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(100.000.000)
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.764.433.632	13.925.470
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>3.764.433.632</b>	<b>1.506.652.743</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
Tiền thu từ đi vay	33		-	330.000.000
Tiền trả nợ gốc vay	34		-	(330.000.000)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(3.504.678.200)	(36.141.500)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(3.504.678.200)</b>	<b>(36.141.500)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>1.758.159.809</b>	<b>(441.872.113)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	5	447.917.713	889.789.826
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	5	2.206.077.522	447.917.713

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2021

Người lập biểu

Bùi Thị Oanh

Kế toán trưởng

Dương Thị Hà Bích

Q. Tổng Giám đốc



Trương Minh Khôi

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1 KHÁI QUÁT CHUNG**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp (“Công ty”), tiền thân là Xí nghiệp Sản xuất thiết bị xây dựng thuộc Công ty Kinh doanh vật tư và xây dựng là đơn vị thành viên của Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội. Công ty được chuyển đổi (Cổ phần hoá) từ doanh nghiệp Nhà Nước theo Quyết định số 601/QĐ-BXD ngày 25/05/1999 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100947309 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01/10/1999, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 05/05/2017.

Trụ sở chính: Tầng 19, tòa nhà Gelex, số 52 phố Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

**1.2 HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH**

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp bao gồm:

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Phá dỡ;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình công ích;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ, công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống xây dựng khác;
- Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Kinh doanh trung tâm thể thao, dịch vụ ăn uống, giải khát (không bao gồm kinh doanh quán Bar);
- Lắp đặt máy và thiết bị công nghiệp;
- Thiết kế chuyên giao công nghệ trong ngành máy và thiết bị công nghiệp;
- Sản xuất, lắp đặt kết cấu thép và nhà xưởng;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu máy và thiết bị công nghiệp;
- Sản xuất, kinh doanh các loại vật liệu xây dựng; Sản xuất bê tông các loại;
- Chuyên giao công nghệ mới trong ngành máy và thiết bị công nghiệp; Dịch vụ chuyên giao công nghệ; Tư vấn chuẩn bị dự án, lập dự án, tư vấn thực hiện dự án;
- Tư vấn điều hành quản lý dự án;

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**1.2 HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH (TIẾP)**

- Sản xuất, kinh doanh máy và thiết bị công nghiệp;
- Kinh doanh dịch vụ bất động sản, môi giới, định giá, sàn giao dịch bất động sản; tư vấn, quảng cáo, quản lý bất động sản;
- Thiết kế kiến trúc, nội ngoại thất công trình; thiết kế công trình dân dụng, công nghiệp, cấp thoát nước, thiết kế hệ thống điều khiển công trình công nghiệp; Thiết kế hệ thống điện, lắp đặt thiết bị công trình, lắp đặt thiết bị công nghệ cơ khí công trình công nghiệp; Thiết kế công trình đường dây và trạm biến áp đến 110KV; Giám sát thi công xây dựng các loại công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, giao thông. Lĩnh vực xây dựng và hoàn thiện;
- Đại lý môi giới, đấu giá;
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật.

**2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Năm tài chính của Công ty từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong Báo cáo tài chính này là đồng Việt Nam (VND).

**3. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**3.1 TUYÊN BỐ VỀ TUÂN THỦ CHUẨN MỤC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 được lập theo chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22/12/2014.

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam trong việc lập Báo cáo tài chính này.

**3.2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực Kế toán, chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tại Việt Nam.

**3.3 HÌNH THỨC KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

**4.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**4.2 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định trong thời gian không quá 3 tháng và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

**4.3 HÀNG TỒN KHO**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cho việc tiêu thụ chúng.

Giá hàng xuất kho được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**4.4 CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI**

Các khoản phải thu gồm: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo.

Tại ngày lập Báo cáo tài chính, Công ty thực hiện đánh giá các khoản nợ phải thu khó đòi để trích lập hoặc hoàn nhập các khoản dự phòng này dựa trên dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi hạch toán vào chi phí quản lý trong năm. Thời điểm lập và hoàn nhập các khoản dự phòng là thời điểm cuối năm tài chính.

Một số khoản công nợ đã quá hạn thanh toán nhưng Công ty đánh giá có khả năng thu hồi nên không xem xét trích lập dự phòng.

**4.5 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH VÀ HAO MÒN**

Tài sản cố định vô hình là Bản quyền sáng chế Công ty được cấp.

**4.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản cố định vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác (nếu có).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**4.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN (TIẾP)**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 và Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian sử dụng hữu ích ước tính của các tài sản cố định cụ thể như sau:

Loại tài sản	Số năm sử dụng (năm)
- Máy móc thiết bị	05 - 08
- Phương tiện vận tải	06 - 10
- Thiết bị quản lý	03 - 08

**4.7 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các tài sản là các thiết bị đang trong quá trình đầu tư mua sắm và lắp đặt, chưa đưa vào sử dụng, các công trình xây dựng cơ bản đang trong quá trình xây dựng. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc này bao gồm: chi phí hàng hóa, dịch vụ phải trả cho các nhà thầu, người cung cấp, chi phí lãi vay có liên quan trong giai đoạn đầu tư và các chi phí hợp lý khác liên quan trực tiếp đến việc hình thành tài sản sau này.

**4.8 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

Trên báo cáo tài chính riêng của Công ty, các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ Công ty con, Công ty liên kết, liên doanh phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được phản ánh theo phương pháp giá gốc.

Tại thời điểm cuối năm, Công ty chưa xem xét trích lập dự phòng tổn thất các khoản đầu tư.

**4.9 GHI NHẬN DOANH THU, GIÁ VỐN**

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi các rủi ro, lợi ích và quyền sở hữu hàng hóa được chuyển sang người mua, đồng thời đơn vị có thể xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng. Thời điểm ghi nhận doanh thu thông thường trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa, dịch vụ, phát hành hóa đơn cho người mua và người mua chấp nhận thanh toán.

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ kế toán.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**4.10 NGOẠI TỆ**

Trong năm 2020, việc xử lý chênh lệch tỷ giá đối với các khoản mục tiền tệ được Công ty áp dụng như sau:

- Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ sẽ được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính, thực hiện theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch phát sinh theo quy định của pháp luật.
- Cuối năm tài chính, Công ty đánh giá lại số dư tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, các khoản nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ ra “đồng Việt Nam” theo tỷ giá của ngân hàng thương mại nơi Doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm.

Công ty không được chia lợi nhuận hoặc trả cổ tức trên lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm.

**4.11 BÊN LIÊN QUAN**

Một bên được coi là Bên liên quan của Công ty nếu có khả năng trực tiếp hoặc gián tiếp kiểm soát được hoặc có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty trong việc ra quyết định về tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là Công ty hoặc cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của cá nhân được coi là liên quan.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Theo đó, các giao dịch và số dư với bên liên quan trong năm 2020 được Công ty trình bày tại các thuyết minh dưới đây

**4.12 THUẾ**

Thuế GTGT đầu vào được hạch toán theo phương pháp khấu trừ.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế có thể khác với lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là 20%.

Lợi nhuận chịu thuế được xác định dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh sau khi đã điều chỉnh cho các khoản thu nhập không chịu thuế và các khoản chi phí không được khấu trừ. Việc xác định lợi nhuận chịu thuế và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng phụ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được thực hiện theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
- Tiền mặt	102.591.187	92.697.595
- Tiền gửi ngân hàng	1.103.486.335	355.220.118
- Các khoản tương đương tiền (*)	1.000.000.000	-
	<u>2.206.077.522</u>	<u>447.917.713</u>

(\*): Là khoản tiền gửi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân, kỳ hạn 1 tháng, lãi suất 3,2%.

**6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>13.541.857.835</b>	<b>18.334.592.498</b>
- Công ty CP Viện máy và Dụng cụ công nghiệp	2.962.109.000	2.723.938.000
- Viện cơ điện tử CIE	3.408.865.478	3.408.865.478
- Công ty CP Sông Hồng 10	1.487.200.000	1.487.200.000
- Công ty TNHH XD thương mại Hùng Phát	2.824.368.220	2.824.368.220
- Các khách hàng khác	2.859.315.137	7.890.220.800
<b>Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
	<u>13.541.857.835</u>	<u>18.334.592.498</u>
<b>Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</b>	<b>3.420.359.815</b>	<b>3.408.865.478</b>

*(Chi tiết tại thuyết minh số 23)*



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>2.794.834.936</b>	-	<b>4.845.534.345</b>	-
- Phải thu về lợi nhuận được chia	1.388.850.000	-	3.494.850.000	-
- Phải thu người lao động	164.020.000	-	164.020.000	-
- Ký cược, ký quỹ	-	-	-	-
- Lãi cho vay, tiền gửi	86.682.067	-	86.682.067	-
- Phụ cấp HDQT, Ban kiểm soát	-	-	-	-
- Phải thu khác	1.155.282.869	-	1.099.982.278	-
<b>Cho vay ngắn hạn</b>	<b>2.367.334.516</b>	-	<b>2.367.334.516</b>	-
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển nhà (CIE-CMC-SĐVĐ)	2.167.334.516	-	2.167.334.516	-
- Đối tượng khác	200.000.000	-	200.000.000	-
<b>Dài hạn</b>	<b>59.130.223.113</b>	-	<b>7.813.689.626</b>	-
- Các khoản phải thu về dự án Nhân Chính	59.130.223.113	-	7.813.689.626	-
	<b>64.292.392.565</b>	-	<b>15.026.558.487</b>	-
<b>Phải thu khác là bên liên quan</b> <i>(Chi tiết tại thuyết minh số 23)</i>	<b>2.023.203.308</b>	-	<b>4.129.203.308</b>	-

**8. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Nguyên liệu, vật liệu	215.480.175	-	215.480.175	-
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	811.776.481	-	811.776.481	-
	<b>1.027.256.656</b>	-	<b>1.027.256.656</b>	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>1.720.000</b>	<b>11.639.998</b>
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	1.720.000	11.639.998
<b>Dài hạn</b>	<b>10.974.476.231</b>	<b>11.267.244.008</b>
- Thuê văn phòng	8.625.877.091	8.847.049.091
- Chi phí sửa chữa văn phòng	322.269.577	378.608.193
- Chi phí hoàn thiện văn phòng	218.630.839	-
- Chi phí trả trước khác	1.807.698.724	2.041.586.724
	<b>10.976.196.231</b>	<b>11.278.884.006</b>

**10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
01/01/2020	96.934.070	669.861.559	32.127.300	798.922.929
31/12/2020	96.934.070	669.861.559	32.127.300	798.922.929
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
01/01/2020	96.934.070	669.861.559	32.127.300	798.922.929
31/12/2020	96.934.070	669.861.559	32.127.300	798.922.929
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
01/01/2020	-	-	-	-
31/12/2020	-	-	-	-

Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2020 là: 798.922.929 đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Đầu tư vào Công ty con</b>	<b>21.430.000.000</b>	-	<b>24.207.468.000</b>	-
- Công ty CP Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp CIE1	16.200.000.000	-	16.200.000.000	-
- Công ty CP Thương mại Kim Hoa	1.530.000.000	-	1.530.000.000	-
- Công ty TNHH Chế tạo máy và Thiết bị Công nghiệp CIE2	2.700.000.000	-	2.700.000.000	-
- Công ty CP Máy và Thiết bị Công nghiệp 1-5	-	-	2.777.468.000	-
- Viện cơ điện tử CIE	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh</b>	<b>6.277.468.000</b>	-	<b>3.500.000.000</b>	-
- Công ty Cổ phần 3B	3.500.000.000	-	3.500.000.000	-
- Công ty CP Máy và Thiết bị Công nghiệp 1-5	2.777.468.000	-	-	-
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>	<b>10.949.873.500</b>	-	<b>10.949.873.500</b>	-
- Công ty CP Công nghiệp Môi trường	375.000.000	-	375.000.000	-
- Công ty CP Đầu tư - Tư vấn Xây dựng IMI	12.500.000	-	12.500.000	-
- Công ty TNHH Tư vấn và Phát triển phần mềm	40.000.000	-	40.000.000	-
- Công ty Cổ phần Viện máy và Dụng cụ CN	5.652.373.500	-	5.652.373.500	-
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Nhà CIE - CMC - SĐVĐ	4.870.000.000	-	4.870.000.000	-

**CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN XÂY DỰNG VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP**

Tầng 19, tòa nhà Gelex, số 52 phố Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả	Giá trị	Số có khả
	VND	năng trả nợ VND	VND	năng trả nợ VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>9.928.507.346</b>	<b>9.928.507.346</b>	<b>14.341.321.381</b>	<b>14.341.321.381</b>
- Công ty CP Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp CIE1	9.610.945.994	9.610.945.994	14.010.945.994	14.010.945.994
- Các đối tượng khác	317.561.352	317.561.352	330.375.387	330.375.387
<b>Dài hạn</b>	-	-	-	-
	<b>9.928.507.346</b>	<b>9.928.507.346</b>	<b>14.341.321.381</b>	<b>14.341.321.381</b>
<b>Phải trả người bán là các bên liên quan</b>	<b>9.610.945.994</b>	<b>9.610.945.994</b>	<b>14.010.945.994</b>	<b>14.010.945.994</b>
<i>(Chi tiết tại thuyết minh số 23)</i>				

**13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/PHẢI THU NHÀ NƯỚC**

	31/12/2020	Số phải nộp	Số đã nộp	01/01/2020
	VND	trong năm VND	trong năm VND	VND
<b>Phải nộp</b>	<b>210.532.585</b>	<b>445.804.829</b>	<b>637.253.018</b>	<b>401.980.774</b>
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra	-	113.822.509	514.267.096	400.444.587
- Thuế thu nhập cá nhân	210.532.585	217.038.946	8.042.548	1.536.187
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	114.943.374	114.943.374	-
<b>Phải thu</b>	<b>64.143.947</b>	-	-	<b>64.143.947</b>
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	64.143.947	-	-	64.143.947

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**14. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>3.840.000</b>	<b>1.900.000.000</b>
- Bảo hiểm xã hội	3.000.000	-
- Bảo hiểm y tế	540.000	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	240.000	-
- Bảo hiểm tai nạn người lao động	60.000	-
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	-	1.900.000.000
<b>Dài hạn</b>	<b>68.957.472.106</b>	<b>220.342.618.084</b>
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	501.969.270	465.969.270
Dự án Nhà ở tại ngõ 164 Khuất Duy Tiên	68.455.502.836	219.876.648.814
- Công ty CP Đầu tư và phát triển nhà CIE-CMC-SĐVĐ	37.354.275.675	185.775.421.653
- Công ty CP Kinh doanh Vật tư và Xây dựng	6.719.003.823	6.719.003.823
- Công ty Cổ phần Đầu tư Sông Đà - Việt Đức	24.382.223.338	27.382.223.338
	<b>68.961.312.106</b>	<b>222.242.618.084</b>
<b>Phải trả khác là bên liên quan</b> (Chi tiết tại thuyết minh số 23)	<b>6.719.003.823</b>	<b>6.719.003.823</b>

**15. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**15.1 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CHỦ SỞ HỮU**

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
- Vốn góp đầu năm	38.000.000.000	38.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	38.000.000.000	38.000.000.000

**15.2 CỔ PHIẾU**

	31/12/2020	01/01/2020
	CP	CP
- Số lượng cổ phiếu được đã đăng ký phát hành	3.800.000	3.800.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.800.000	3.800.000
+ Cổ phiếu phổ thông	3.800.000	3.800.000
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.800.000	3.800.000
+ Cổ phiếu phổ thông	3.800.000	3.800.000
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP)	10.000	10.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**15. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**

**15.3 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>01/01/2019</b>	<b>38.000.000.000</b>	<b>10.793.442.327</b>	<b>4.290.276.636</b>	<b>53.083.718.963</b>
- Lãi trong năm	-	-	1.954.238.396	1.954.238.396
- Chia cổ tức	-	-	(1.900.000.000)	(1.900.000.000)
- Thù lao Hội đồng Quản trị	-	-	(197.400.000)	(197.400.000)
<b>31/12/2019</b>	<b>38.000.000.000</b>	<b>10.793.442.327</b>	<b>4.147.115.032</b>	<b>52.940.557.359</b>
<b>01/01/2020</b>	<b>38.000.000.000</b>	<b>10.793.442.327</b>	<b>4.147.115.032</b>	<b>52.940.557.359</b>
- Lãi trong năm	-	-	1.430.388.916	1.430.388.916
- Chia cổ tức (*)	-	-	(1.900.000.000)	(1.900.000.000)
- Thù lao Hội đồng Quản trị (*)	-	-	(394.800.000)	(394.800.000)
<b>31/12/2020</b>	<b>38.000.000.000</b>	<b>10.793.442.327</b>	<b>3.282.703.948</b>	<b>52.076.146.275</b>

(\*): Thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2019 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 số 46/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/06/2020 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**16. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.957.452.282	2.097.011.969
	<b>1.957.452.282</b>	<b>2.097.011.969</b>
<b>Doanh thu với các bên liên quan</b> <i>(Chi tiết tại thuyết minh số 23)</i>	<b>263.018.574</b>	<b>260.923.716</b>

**17. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
- Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.139.040.572	1.978.344.942
	<b>1.139.040.572</b>	<b>1.978.344.942</b>

**18. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	6.502.882	13.925.470
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.713.759.750	2.460.600.000
	<b>1.720.262.632</b>	<b>2.474.525.470</b>

**19. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
- Chi phí lãi tiền vay	-	2.954.630
	<b>-</b>	<b>2.954.630</b>

**20. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>1.108.285.426</b>	<b>2.042.742.604</b>
- Nhân viên quản lý	815.181.405	1.330.593.072
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	290.104.021	709.149.532
- Thuế, phí lệ phí khác	3.000.000	3.000.000
	<b>1.108.285.426</b>	<b>2.042.742.604</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***21. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Công ty không trình bày chi tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại Chuẩn mực kế toán số 30 về “Lãi trên cổ phiếu” yêu cầu trong trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ trình bày thông tin về lãi cơ bản trên cổ phiếu theo quy định của Chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

**22. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Báo cáo tài chính này không trình bày thông tin bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý vì hoạt động chính của Công ty là bán hàng hóa và hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam. Các hoạt động của Công ty không có sự khác biệt về rủi ro và lợi ích kinh tế.

**23. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm 2020, Công ty có mối quan hệ với các bên liên quan như sau:

STT	Bên liên quan	Mối quan hệ
1	Công ty CP Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp CIE 1	Công ty con
2	Công ty CP Thương mại Kim Hoa	Công ty con
3	Công ty TNHH Chế tạo máy và Thiết bị Công nghiệp CIE2	Công ty con
4	Viện cơ điện tử CIE	Công ty con
5	Công ty Cổ phần Cơ khí 1-5	Công ty liên kết
6	Công ty Cổ phần 3B	Công ty liên kết
7	Công ty CP Kinh doanh Vật tư và Xây dựng (CMC)	Chủ tịch HĐQT của Công ty là Giám đốc kiêm Chủ tịch HĐQT của CMC

**23.1 GIAO DỊCH VỚI BÊN LIÊN QUAN**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
<b>Bán hàng</b>	<b>263.018.574</b>	<b>260.923.716</b>
- Công ty CP Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp CIE1	263.018.574	260.923.716
<b>Cổ tức nhận được</b>	<b>1.620.000.000</b>	<b>2.460.600.000</b>
- Công ty CP Thương mại Kim Hoa	-	30.600.000
- Công ty CP Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp CIE1	1.296.000.000	1.944.000.000
- Công ty TNHH Chế tạo máy và Thiết bị Công nghiệp CIE2	324.000.000	486.000.000

**23.2 SỐ DƯ VỚI BÊN LIÊN QUAN**

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
<b>Phải thu khách hàng</b>	<b>3.420.359.815</b>	<b>3.408.865.478</b>
- Viện cơ điện tử CIE	3.408.865.478	3.408.865.478
- Công ty CP xây dựng và thiết bị công nghiệp CIE1	11.494.337	-
<b>Phải thu khác</b>	<b>2.023.203.308</b>	<b>4.129.203.308</b>
- Công ty CP Thương mại Kim Hoa	533.600.000	533.600.000
- Công ty CP Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp CIE1	-	1.944.000.000
- Công ty TNHH Chế tạo máy và Thiết bị Công nghiệp CIE2	324.000.000	486.000.000
- Công ty Cổ phần Cơ khí 1-5	531.250.000	531.250.000
- Viện cơ điện tử CIE	634.353.308	634.353.308



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**23.2 SỐ DƯ VỚI BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
<b>Phải trả khác</b>	<b>6.719.003.823</b>	<b>6.719.003.823</b>
- Công ty CP Kinh doanh Vật tư và Xây dựng (CMC)	6.719.003.823	6.719.003.823
<b>Phải trả người bán</b>	<b>9.610.945.994</b>	<b>14.010.945.994</b>
- Công ty CP Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp CIE1	9.610.945.994	14.010.945.994
<b>Trả trước cho người bán</b>	<b>1.760.000.000</b>	<b>1.760.000.000</b>
- Viện Cơ điện tử CIE	1.760.000.000	1.760.000.000

**23.3 THU NHẬP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

		Năm 2020
		VND
<b>Hội đồng quản trị</b>		<b>1.504.139.000</b>
- Ông Lê Quốc Tuấn	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	262.637.000
- Ông Trương Hữu Chí	Thành viên Hội đồng quản trị	327.203.000
- Ông Vũ Trọng Hiến	Thành viên Hội đồng quản trị	361.489.000
- Ông Tạ Đình Lân	Thành viên Hội đồng quản trị	301.635.000
- Ông Nguyễn Đức Minh	Thành viên Hội đồng quản trị	251.175.000
<b>Ban Tổng Giám đốc</b>		<b>654.439.767</b>
- Ông Trương Minh Khôi	Q. Tổng Giám đốc	352.804.767
- Ông Tạ Đình Lân	Phó Tổng Giám đốc	301.635.000

**24. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp đã được kiểm toán.

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2021

Người lập biểu

Bùi Thị Oanh

Kế toán trưởng

Dương Thị Hà Bích

Q. Tổng Giám đốc



Trương Minh Khôi